TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2025/DS-PT
Ngày: 09 - 5 - 2025
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Bằng;

2. Bà Lưu Thị Thu Hường.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Yến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 331/2024/TLPT-DS, ngày 30/10/2024, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2024/DS-ST ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bạch Thị H, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố G, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở: Buôn M, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Đinh Văn B, sinh năm 1976 và bà Tạ Thị H1, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn F, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; ông B có mặt, bà H1 vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đinh Văn B: Ông Nguyễn Huy N, sinh năm: 1989; địa chỉ: Tổ A, phường T, quận H, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Đinh Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh S trình bày có nội dung như sau:*

Vào ngày 14/5/2023, vợ chồng ông Đinh Văn B và bà Tạ Thị H1 có vay của bà Bạch Thị H số tiền là 1.050.000.000 đồng, có lập Giấy vay tiền, theo đó thời hạn vay là 10 ngày kể từ ngày 14/5/2023, lãi suất thỏa thuận là 30%/năm, lãi suất quá

hạn là 45%/năm. Tuy nhiên quá thời hạn trả, bà H đã yêu cầu trả nợ nhiều lần nhưng vợ chồng ông B, bà H1 vẫn chưa thanh toán được nợ cho bà H theo như thỏa thuận.

Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông B, bà H1 phải trả cho bà H số tiền gốc là 1.050.000.000 đồng và tiền lãi suất trong hạn mức 20%/năm kể từ ngày 14/5/2023 đến ngày 24/5/2023 (10 ngày) là 5.753.000 đồng [(1.050.000.000 đồng x 10 ngày x 20%) : 365 ngày)]; tiền lãi quá hạn với mức lãi suất bằng 150% lãi trong hạn (30%/năm) tạm tính từ ngày 25/5/2023 đến ngày 06/5/2024 (347 ngày) là 299.465.000 đồng [(1.050.000.000 đ x 347 ngày x 30%) : 365 ngày]. Tổng cộng cả gốc và lãi là 1.355.218.000 đồng, ngoài ra ông B và bà H1 phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 07/5/2024 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng Giấy vay tiền ngày 14/5/2023 và Hợp đồng đặt cọc ngày 20/5/2023, giữa nguyên đơn và vợ chồng ông Đinh Văn B, bà Tạ Thị H1 là hoàn toàn độc lập và không có liên quan gì đến nhau.

**/ Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Đinh Văn B và bà Tạ Thị H1 trình bày có nội dung như sau:*

Vợ chồng ông Đinh Văn B, bà Tạ Thị H1 có mượn tiền của bà Bạch Thị H theo giấy vay tiền là 1.050.000.000 đồng. Cụ thể việc nợ số tiền này như sau:

- Ngày 24/7/2023, ông Biên nhận chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng từ Nhà máy băm dăm thuộc Hợp tác xã T, mục đích để ứng tiền mua gỗ keo nguyên liệu;

- Ngày 02/11/2023, ông Biên nhận số tiền chuyển nợ từ ông Trần Thế D, địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk số tiền 850.000.000 đồng, lý do chuyển nghĩa vụ trả nợ là do ông D vay của bà H, còn ông B vay của ông D, nên các bên thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ của ông D sang ông B và ông B có nghĩa vụ trả tiền cho bà Bạch Thị H.

Khi nhận nợ số tiền 1.050.000.000 đồng, ông B và bà H có xác lập với nhau bằng giấy vay tiền ngày 02/11/2023 tại Văn phòng hợp tác xã T. Tại thời điểm lập giấy ngày 02/11/2023, thì giấy để trống ngày tháng và chỉ ghi năm 2023 tại giấy vay tiền, sau đó bà H hoặc ai đó điền thêm ngày, tháng bổ sung vào giấy vay và vợ chồng ông B, bà H1 không rõ.

Từ ngày 02/11/2023 đến ngày 20/5/2024, bà H có yêu cầu vợ chồng ông B, bà H1 trả số tiền 1.050.000.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên vẫn chưa thể trả được số tiền nợ cho bà H. Do đó, ngày 20/5/2024, bà H đã yêu cầu vợ chồng ông B, bà H1 ký Hợp đồng đặt cọc "Về việc đảm bảo thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" nhưng Hợp đồng đặt cọc lại ghi ngày 20/5/2023. Mục đích các bên lập Hợp đồng đặt cọc ghi ngày 20/5/2023, là để vợ chồng ông B, bà H1 phải có trách nhiệm trả cho bà H số tiền nợ 1.050.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 14/5/2023, nên vợ chồng ông B, bà H1 đã tin tưởng và ký Hợp đồng đặt cọc ghi ngày 20/5/2023.

Ngoài ra vào ngày 19/5/2024, ông B có ký hợp đồng bán xe ô tô của ông B cho bà H. Việc ký hợp đồng bán xe ô tô này cũng để đảm bảo cho việc trả nợ số tiền

1.050.000.000 đồng. Bản gốc của hợp đồng bán xe ô tô và Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng đất đều do bà H lưu giữ. Khi ký Hợp đồng đặt cọc ngày 20/5/2023 tại Hợp tác xã T, giữa H và vợ chồng ông B, bà H1 có thỏa thuận và cam kết nếu trong thời gian hợp đồng mà chưa thanh toán hết nợ cho bà H thì sẽ tiếp tục gia hạn thời gian trả nợ, khi trả nợ xong thì Hợp đồng đặt cọc ngày 20/5/2023 và hợp đồng bán xe ô tô ngày 19/5/2024 sẽ đương nhiên được hủy bỏ.

Việc bà H khởi kiện thì vợ chồng ông B, bà H1 đồng ý trả cho bà H số tiền nợ gốc 1.050.000.000 đồng và tiền lãi suất theo yêu cầu khởi kiện của bà H. Tuy nhiên ông Đinh Văn B và bà Tạ Thị H1 đề nghị Tòa án giải quyết hủy bỏ Hợp đồng đặt cọc về việc đảm bảo thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 20/5/2023 và hủy bỏ hợp đồng bán xe ô tô ngày 19/5/2024 giữa bà Bạch Thị H và vợ chồng ông B, bà H1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2024/DS-ST, ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466 và khoản 1, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bạch Thị H.

Buộc bị đơn vợ chồng ông Đinh Văn B, bà Tạ Thị H1 phải trả cho bà Bạch Thị H số tiền 1.388.587.000 đồng (Bao gồm 1.050.000.000 đồng nợ gốc và 338.587.000 đồng tiền lãi suất) theo giấy vay tiền ngày 14/5/2023.

Kể từ ngày 31/8/2024, cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/9/2024, bị đơn ông Đinh Văn B có đơn kháng cáo, với nội dung: Bị đơn đồng ý trả số tiền nợ 1.050.000.000 đồng, nhưng các nội dung còn lại của bản án thì bị đơn không đồng ý; đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Đinh Văn B giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày ý kiến, với nội dung: Hợp đồng đặt cọc đề ngày 20/5/2023 thì hai bên thỏa thuận là để đảm bảo cho việc trả tiền nợ và khi trả hết nợ thì phải hủy bỏ hợp đồng đặt cọc, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết yêu cầu này của bị đơn là không đúng và làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn; đồng thời giấy vay tiền bà H điền ngày vay lùi thời điểm chuyển nợ nhưng chưa được làm rõ. Do đó đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến, với nội dung: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung: Bị đơn ông B và bà H1 thừa nhận có nợ bà Bạch Thị H số tiền 1.050.000.000 đồng và có yêu cầu xem xét hủy Hợp đồng đặt cọc, về việc đảm bảo thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 20/5/2023, vì hợp đồng này là để đảm bảo cho việc trả nợ số tiền 1.050.000.000 đồng, nên có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã không hướng dẫn cho bị đơn khởi kiện để thụ lý, giải quyết yêu cầu này của bị đơn trong cùng một vụ án là không đúng theo quy định tại Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên việc giải quyết vụ án chưa toàn diện và làm ảnh hưởng đến quyền lợi và lợi ích hợp pháp của đương sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn; hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Huy N vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên bị đơn ông Đinh Văn B có mặt tại phiên tòa và đề nghị xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền; bị đơn bà Tạ Thị H1 và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên là phù hợp.

[2] Về nội dung: Đối với kháng cáo của bị đơn ông Đinh Văn B, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Nguyên đơn bà Bạch Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn là vợ chồng ông Đinh Văn B, bà Tạ Thị H1 phải trả lại số tiền vay là 1.050.000.000 đồng. Qua trình bày của các đương sự và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Theo nội dung "Giấy vay tiền" ngày 14/5/2023, thì bà Bạch Thị H cho vợ chồng ông Đinh Văn B, bà Tạ Thị H1 vay số tiền 1.050.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 ngày kể từ ngày ký hợp đồng vay, lãi suất là 30%/năm, lãi suất quá hạn là 45%/năm.

Bị đơn ông Đinh Văn B và bà Tạ Thị H1 thừa nhận có nợ tiền của bà H, theo Giấy vay tiền thì số tiền nợ là 1.050.000.000 đồng, nhưng ngày tháng vay thể hiện tại giấy vay tiền không đúng với thực tế. Sau đó bà H có yêu cầu trả tiền nợ nhưng vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn, chưa trả được tiền nợ. Do đó, ngày 20/5/2024, bà H đã yêu cầu vợ chồng ông B, bà H1 ký Hợp đồng đặt cọc về việc đảm bảo thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, nhưng hợp đồng lại ghi ngày 20/5/2023. Theo nội dung hợp đồng thì bà H đặt cọc cho vợ chồng ông B số tiền 1.100.000.000 đồng, để chuyển nhượng

quyền sử dụng đất của vợ chồng ông B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 950088, do Ủy ban nhân dân huyện M'Đrắk cấp ngày 05/11/2005, với giá là 1.200.000.000 đồng. Ông B và bà H1 xác định mục đích ký hợp đồng đặt cọc này là để đảm bảo cho việc trả số tiền nợ 1.050.000.000 đồng và khi trả hết nợ thì hợp đồng đặt cọc đương nhiên được hủy bỏ. Ngoài ra, vào ngày 19/5/2024, ông B có ký hợp đồng bán xe ô tô của ông B cho bà H, mục đích cũng là đảm bảo cho việc trả số tiền nợ 1.050.000.000 đồng.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn ông Đinh Văn B và bà Tạ Thị H1 thừa nhận có nợ và đồng ý trả số tiền 1.050.000.000 đồng cho bà H. Đồng thời ông B, bà H1 có yêu cầu Tòa án xem xét hủy Hợp đồng đặt cọc về việc đảm bảo thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 20/5/2023 và hợp đồng bán xe ô tô ngày 19/5/2023, vì các hợp đồng này là để đảm bảo cho việc trả nợ số tiền 1.050.000.000 đồng nên có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Còn nguyên đơn bà H cho rằng hợp đồng đặt cọc ngày 20/5/2023 không liên quan đến hợp đồng vay tiền ngày 14/5/2023. Xét thấy: Mặc dù nguyên đơn cho rằng "Giấy vay tiền" ngày 14/5/2023 và Hợp đồng đặt cọc ngày 20/5/2023 không có liên quan nhau, nhưng về thời gian thì hợp đồng đặt cọc được xác lập sau hợp đồng vay tiền (sau 06 ngày) và các bên đều thừa nhận có lập hợp đồng đặt cọc, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã thu thập Hợp đồng đặt cọc ngày 20/5/2023 (bút lục số 49 - 52); bị đơn ông B, bà H1 xác định hợp đồng đặt cọc mà hai bên ký kết là để đảm bảo cho việc trả số tiền 1.050.000.000 đồng, ông bà đồng ý trả nợ và có yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc này. Do đó, đây là yêu cầu phản tố của bị đơn và yêu cầu này có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên cần phải thụ lý, giải quyết yêu cầu này của bị đơn trong cùng một vụ án thì mới đảm bảo việc giải quyết vụ án toàn diện, chính xác và mới đảm bảo được quyền lợi của bị đơn.

[2.3] Bị đơn ông B, bà H1 xác định Hợp đồng đặt cọc ngày 20/5/2023 có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đã có yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc này. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã không hướng dẫn cho bị đơn về thủ tục khởi kiện phản tố để thụ lý, giải quyết yêu cầu của bị đơn trong cùng một vụ án là không đúng theo quy định tại Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự; đồng thời bản án sơ thẩm nhận định cho rằng bị đơn ông B, bà H1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền nợ và hợp đồng đặt cọc có liên quan đến nhau nên không chấp nhận yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc của bị đơn và các đương sự có tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác, là giải quyết vụ án chưa toàn diện và làm ảnh hưởng đến quyền lợi và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[2.4] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án chưa toàn diện, chính xác và triệt để, có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi và lợi ích hợp pháp của đương sự. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đinh Văn B, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

[3] Trước ngày mở phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Bạch Thị H có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" quy định tại Điều 126 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án đã ban hành Quyết

định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2025/QĐ-BPKCTT ngày 08/5/2025. Do hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung, nên cần tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2025/QĐ-BPKCTT ngày 08/5/2025, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo là ông Đinh Văn B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đinh Văn B.

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2024/DS-ST, ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2025/QĐ-BPKCTT ngày 08/5/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được quyết định khi giải quyết lại vụ án.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đinh Văn B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu số AA/2023/0008789 ngày 18/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao (Vụ 2);
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện M'Đrắk;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Trương Công Bình